

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢNG CÁO VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 131 ngày 22/10/2018
của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang)

Áp dụng từ ngày 01/01/2019

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Hoạt động quảng cáo trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang được thực hiện trên cơ sở:

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

II. DUYỆT MẪU QUẢNG CÁO

Các mẫu quảng cáo phải đáp ứng các quy định chung như đã ghi ở phần I.

Đài có quyền từ chối các mẫu quảng cáo thiếu thẩm mỹ, cạnh tranh không lành mạnh có ảnh hưởng không tốt đến khán, thính giả.

Quảng cáo tự giới thiệu là chương trình giới thiệu về công nghệ, quy trình sản xuất của doanh nghiệp; giới thiệu chung về tính năng, tác dụng của sản phẩm để quảng bá cho thương hiệu.

III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang quy định mức giảm giá, tỷ lệ mua phim và chương trình giải trí, quyền lợi tài trợ, chi hoa hồng như sau:

1. Về mức giảm giá (tính trên tổng giá trị quảng cáo thực hiện được)

1.1. Đối với khách hàng là các đơn vị quảng cáo tại Việt Nam

STT	Trị giá hợp đồng (VND)	Tỷ lệ Giảm giá
1	Từ 1.000.000.000 đến 2.000.000.000	20%
2	Trên 2.000.000.000 đến 5.000.000.000	25%
3	Trên 5.000.000.000 đến 10.000.000.000	28%
4	Trên 10.000.000.000 đến 20.000.000.000	33%
5	Trên 20.000.000.000 đến 30.000.000.000	35%
6	Trên 30.000.000.000	37%

1.2. Đối với khách hàng là các nhà sản xuất, các đơn vị trực tiếp bán hàng (như các đại lý, tổ chức doanh nghiệp,...)

STT	Trị giá hợp đồng (VNĐ)	Tỷ lệ Giảm giá
1	Từ 10.000.000 đến 50.000.000	6%
2	Trên 50.000.000 đến 100.000.000	8%
3	Trên 100.000.000 đến 150.000.000	10%
4	Trên 150.000.000 đến 200.000.000	12%
5	Trên 200.000.000 đến 250.000.000	14%
6	Trên 250.000.000 đến 300.000.000	16%
7	Trên 300.000.000 đến 500.000.000	18%
8	Trên 500.000.000 đến 1.000.000.000	20%
9	Trên 1.000.000.000 đến 2.000.000.000	22%

1.3. Khách hàng ký hợp đồng nguyên tắc có áp dụng hình thức thanh toán trước sẽ được hưởng chiết khấu từ 3% đến 5% giá trị thanh toán trước, tùy theo thỏa thuận.

1.4. Khách hàng có sản phẩm mới, xuất hiện lần đầu trên thị trường Việt Nam và lần đầu tiên trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang sẽ được giảm giá bổ sung 5% trên giá trị quảng cáo của sản phẩm mới đó.

2. Về mua phim, chương trình giải trí:

STT	Trị giá thực hiện hợp đồng sau giảm giá (Bao gồm VAT)	Tỷ lệ mua phim, chương trình GT
1	Từ 5 tỷ đến 10 tỷ đồng.	6%
2	Trên 10 tỷ đến 15 tỷ đồng.	8%
3	Trên 15 tỷ đến 20 tỷ đồng.	10%
4	Trên 20 tỷ	15%

Việc mua phim được căn cứ vào nhu cầu của Đài, phải đáp ứng các tiêu chí về nội dung, chất lượng phim, chương trình; tiến độ thực hiện hợp đồng nguyên tắc và thỏa thuận về giá.

Đối với khách hàng ký hợp đồng nguyên tắc nhưng không yêu cầu mua phim. Cụ thể từng trường hợp, giá trị hợp đồng, Đài sẽ có mức giảm giá ưu đãi trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất giữa hai bên.

3. Về tài trợ

Đài trao đổi quảng cáo tài trợ, với mức bằng 200% giá trị của hợp đồng đối với đơn vị sản xuất trực tiếp cho chính sản phẩm của công ty. Đối với công ty quảng cáo truyền thông chỉ áp dụng cho 01 nhãn hàng.

4. Về chi hoa hồng

Việc chi hoa hồng thực hiện theo luật định. Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trực tiếp không hưởng chính sách giảm giá.

5. Về thanh toán

Hàng tháng sau 30 ngày, kể từ ngày kết thúc lịch phát sóng (cuối tháng), các đơn vị phải thanh toán cho Đài. Nếu quá thời hạn trên, Đài sẽ từ chối nhận lịch phát sóng quảng cáo của khách hàng.

Thời gian để đối soát các mẫu quảng cáo (phát sai hoặc phát thiếu mẫu quảng cáo) là 30 ngày, tính từ ngày phát sóng. Sau 30 ngày, Đài sẽ không chịu trách nhiệm về mẫu quảng cáo mà công ty yêu cầu.

6. Đối với những vấn đề phát sinh không nằm trong Quy định này, sẽ do Ban Giám đốc Đài quyết định./.

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Trịnh Bé Dũng

PTTH

UBND TỈNH KIÊN GIANG
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH KIÊN GIANG TRÊN KÊNH KG – NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 131 ngày 22 /10 /2018
của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang)

Áp dụng từ ngày 01/01/2019

ĐVT: 1.000 VNĐ

Mã Giờ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO				
			5"	10"	15"	20"	30"
Giờ S	BUỔI SÁNG (05h25 – 11h00)						
S1	Sau TS Kiên Giang sáng	05h30-05h35	400	800	1.000	1.600	2.000
S2	Sau Dự báo thời tiết biển sáng	05h40-05h45					
S3	Sau HH phim sáng 09h15	09h15-09h20					
S4	Giữa tập 01 phim sáng 09h15	09h40-09h45	800	1.600	2.000	3.200	4.000
S5	Trước kết thúc phim sáng	10h00-10h05	400	800	1.000	1.600	2.000
Giờ Tr	BUỔI TRƯA (11h00 – 13h15)						
Tr1	Trước bản tin thời sự KG	10h55-11h00	900	1.800	2.400	3.600	4.800
Tr2	Sau bản tin thời sự KG	11h30-11h35	1.000	2.200	3.000	4.400	6.000
Tr3	Sau HH phim trưa 11h35	11h35-11h40	1.600	2.800	4.000	6.000	8.000
Tr4	Giữa tập 1 phim trưa 11h35	12h00-12h05	2.000	4.000	7.000	8.000	14.000
Tr5	Giữa 02 tập phim trưa 11h35	12h25-12h30	1.600	2.800	4.000	6.000	8.000
Tr6	Giữa tập 2 phim trưa 11h35	12h45-12h50					
Tr7	Trước kết thúc phim trưa	13h05-13h10	1.400	2.450	3.500	5.250	7.000
Tr8	Trước CT Dự báo thời tiết biển	13h10-13h15	1.000	2.200	3.000	4.400	6.000
Giờ X	BUỔI XẾ CHIỀU (13h15- 16h05)						
X1	Trước CT xế chiều (13h15)	13h15-13h20	625	1.250	1.500	2.500	3.000
X2	Sau CT xế chiều (13h15)						
X3	Trước CT xế chiều (13h30)	13h30-14h00					
X4	Sau CT xế chiều (13h30)						
X5	Sau HH phim xế chiều 15h15	15h15-15h20	625	1.250	1.500	2.500	3.000
X6	Giữa phim xế chiều 15h15	15h35-15h40	900	1.800	2.500	3.600	5.000
X7	Trước kết thúc phim xế chiều	15h55-16h00	625	1.250	1.500	2.500	3.000
Giờ C	BUỔI CHIỀU (16h30-18h00)						
C1	Sau HH phim chiều 16h30	16h30-16h35	1.600	3.200	4.000	6.400	8.000
C1-CN	Sau HH phim chiều CN (16h45)	16h45-16h50					
C2	Giữa phim chiều 16h30	16h50-16h55	2.000	4.000	6.000	8.000	12.000
C2-CN	Giữa phim chiều CN (16h45)	17h05-17h10					
C3	Trước kết thúc phim chiều 16h30	17h10-17h15	1.800	3.600	5.400	7.200	10.000
C3-CN	Trước kết thúc phim CN (16h45)	17h25-17h30					

C4	Trước chương trình thiếu nhi	17h15-17h20	1.600	3.200	4.000	6.400	8.000
C5	Sau chương trình thiếu nhi	17h40-17h45					
Giờ T	BUỔI TỐI (18h00 – 23h15)						
T1	Sau HH Tin nhanh "18h"	17h55-18h00	2.500	5.000	7.000	10.000	11.000
T2	Giữa bản tin nhanh "18h"	18h05-18h10	3.000	6.000	9.000	12.000	14.000
T3	Trước kết thúc tin nhanh "18h"	18h15-18h20					
T4	Trước Thời sự Kiên Giang	18h25-18h30					
T5	Sau Thời sự Kiên Giang	18h55-19h00	3.500	7.000	9.500	13.000	16.000
T6	Sau HH phim Việt Nam 19h00	19h00-19h05	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T7	Giữa phim Việt Nam 19h00	19h20-19h25	5.500	11.000	13.000	22.000	26.000
T8	Trước kết thúc phim VN 19h00	19h40-19h45	5.000	10.000	12.000	20.000	24.000
T9	Trước Bản tin Dự báo thời tiết	19h45-19h50	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T10	Sau Bản tin Dự báo thời tiết	19h50-19h55					
T11	Sau HH Ctr giải trí 24h	19h55-20h00	2.500	5.000	7.000	10.000	11.000
T12	Giữa chương trình giải trí 24h	20h00-20h05	3.000	6.000	9.000	12.000	14.000
T13	Trước kết thúc Ctr giải trí 24h	20h05-20h10					
T14	Sau HH phim VN 20h10	20h10-20h15	4.500	9.000	14.000	18.000	22.000
T15	Giữa phim VN 20h10	20h30-20h35	9.000	12.000	18.000	24.000	30.000
T16	Trước kết thúc phim VN 20h10	20h50-20h55	5.000	10.000	16.000	20.000	24.000
T17-S	Sau HH Sitcom (thứ 2, 3)	21h00-21h15	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T17-G	Sau HH Gameshow (thứ 4,5,6,7, CN)	21h00-21h30					
T18-S	Giữa Sitcom (thứ 2, 3)	21h00-21h15	5.500	11.000	16.000	22.000	26.000
T18-G	Giữa Gameshow (thứ 4,5,6,7, CN)	21h00-21h30					
T19-S	Trước kết thúc Sitcom (thứ 2,3)	21h00-21h15	3.500	7.500	11.000	15.000	18.000
T19-G	Trước kết thúc Gameshow (thứ 4,6,7,CN)	21h00-21h30					
T20	Sau HH phim NN 21h35	21h35-21h40	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T23	Giữa phim NN 21h35	21h55-22h00	5.500	11.000	13.000	22.000	26.000
T24	Trước kết thúc phim NN 21h35	22h15-22h20	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T25	Sau HH phim Điện ảnh (thứ 7)	21h35-21h40	4.000	8.000	12.000	16.000	20.000
T26	Giữa phim Điện ảnh (thứ 7)	21h55-22h00	5.000	10.000	16.000	20.000	24.000
T27	Sau phim Điện ảnh (thứ 7)	22h15-22h20	3.500	7.500	11.000	15.000	18.000
T28	Sau HH cái lương (CN)	21h35-21h40	2.000	4.000	6.000	8.000	12.000
T29	Giữa cái lương (CN)	21h55-22h00	3.000	6.000	9.000	12.000	14.000
T30	Sau kết thúc cái lương (CN)	22h15-22h20	1.600	3.200	4.000	6.400	8.000
T31	Trước Bản tin cuối ngày-TG 24h	22h40-22h45	1.200	2.400	3.000	4.800	6.000

TỰ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM TRÊN KÊNH KG

Tối thiểu 1 phút 30 giây và tối đa là 05 phút

(Nếu thời lượng TGT là 80 giây sẽ được áp vào khung giá = 1 phút 30 giây)

DVT: 1.000 VND

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
G1	Sau HH phim sáng Việt Nam 09h15	09h15-09h20	600
G2	Giữa tập phim sáng Việt Nam 09h15	09h40-09h45	700
G3	Trước kết thúc phim sáng VN 09h15	10h00-10h05	600
G4	Sau HH phim trưa 11h30	11h30-11h35	1.000
G5	Giữa tập 1 phim trưa 11h30	12h00-12h05	2.000
G6	Giữa 02 tập phim trưa 11h30	12h25-12h30	600
G7	Giữa tập 2 phim trưa 11h30	12h45-12h50	2.000
G8	Trước kết thúc phim trưa 11h30	13h05-13h10	600
G9	Trước HH phim xế chiều 15h15	15h10-15h15	
G10	Giữa phim xế chiều NN 15h15	15h35-15h40	1.000
G11	Sau kết thúc phim xế chiều 15h15	16h00-16h05	1.500
G12	Trước phim chiều NN (16h30)	16h25-16h30	2.000
G12- CN	Trước phim chiều NN (CN-16h45)	16h45-16h50	
G13	Giữa phim chiều NN 16h30	16h55-17h00	8.000
G13-CN	Giữa phim chiều NN (CN 16h45)	17h10-17h15	
G14	Sau phim chiều NN 16h30	17h15-17h20	6.000
G14-CN	Sau phim chiều NN (CN 16h45)	17h30-17h35	
G15	Trước HH phim Việt Nam 19h00	18h55-19h00	10.000
G16	Giữa phim Việt Nam 19h00	19h20-19h25	12.000
G17	Sau phim Việt Nam 19h00	19h45-19h50	8.000
G18	Sau HH Chương trình giải trí 24h	19h55-20h00	12.000
G19	Trước kết thúc chương trình giải trí 24h	20h05-20h10	8.000
G20	Sau HH phim VN 20h10	20h10-20h15	6.000
G21	Giữa phim VN 20h10	20h35-20h40	8.000
G22	Sau kết thúc phim VN 20h10	20h55-21h00	4.000
G23	Sau HH Gameshow 21h00 (thứ 4,5,6,7,CN)	21h00-21h05	4.000
G24	Trước kết thúc Gameshow (thứ 4,5,6,7,CN)	21h25-21h30	
G25	Trước HH phim NN 21h30	21h25-21h30	4.000
G26	Giữa phim NN 21h30	21h55-22h00	
G27	Sau kết thúc phim NN 21h30	22h15-22h20	1.000
G28	Sau HH phim Điện ảnh 21h30 (T7)	21h30-21h35	4.000
G29	Giữa phim Điện ảnh 21h30 (T7)	22h15-22h20	
G30	Sau kết thúc phim Điện ảnh 21h30 (T7)	22h55-23h00	1.000
G31	Sau HH cải lương (CN)	21h30-21h35	3.000
G32	Giữa cải lương (CN)	22h15-22h20	
G33	Sau kết thúc cải lương (CN)	22h55-23h00	800

TV SHOPPING, PHÒNG KHÁM, SẢN PHẨM ĐÔNG NAM DƯỢC TRÊN KÊNH KG

(Thời lượng chuẩn không được dưới 120 giây và không được quá 300 giây)

DVT: 1.000 VND

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ/PHÚT	
			Tivi shopping	Phòng khám, đông nam dược
D1	Sau HH phim sáng Việt Nam (09h15)	09h15-09h20	200	200
D2	Giữa tập 01 phim sáng VN (09h15)	09h35-09h40	240	240
D3	Trước kết thúc phim sáng VN 09h15	9h55-10h00	200	200
D4	Sau kết thúc phim sáng VN 09h15	10h05-10h10		
D5	Sau HH phim trưa 11h40	11h40-11h45	400	400
D6	Giữa tập 1 phim trưa 11h30	12h00-12h05		550
D7	Giữa 02 tập phim trưa 11h30	12h25-12h30		300
D8	Giữa tập 2 phim trưa 11h30	12h45-12h50		550
D9	Trước kết thúc phim trưa 11h30	13h05-13h10	300	300
D10	Trước HH phim xế chiều 15h15	15h15-15h20	240	240
D11	Giữa phim xế chiều NN 15h15	15h35-15h40	280	280
D12	Trước kết thúc phim xế chiều 15h15	16h00-16h05	240	240
D13	Trước phim chiều NN 16h30	16h30-16h35		
D14	Giữa phim chiều NN 16h30	16h50-16h55		
D15	Trước kết thúc phim chiều NN 16h30	17h15-17h20		300
D16	Trước HH phim Việt Nam 19h00	18h55-19h00		1.800
D17	Giữa phim Việt Nam 19h00	19h20-19h25		1.600
D18	Trước kết thúc phim Việt Nam 19h00	19h45-19h50		1.500
D19	Sau HH Chương trình giải trí	19h50-19h55		1.600
D20	Trước kết thúc chương trình giải trí	20h05-20h10		1.500
D21	Sau HH phim VN 20h10	20h10-20h15		1.800
D22	Giữa phim VN 20h10	20h30-20h35		1.600
D23	Sau kết thúc phim VN 20h10	20h55-21h00		1.500
D24	Sau HH Gameshow 21h00 (thứ 4,5,6,7,CN)	21h00-21h05		800
D25	Trước kết thúc Gameshow (thứ 4,5,6,7,CN)	21h25-21h30		
D26	Sau HH phim NN 21h30	21h30-21h35		800
D27	Giữa phim NN 21h30	22h55-22h55		
D28	Sau kết thúc phim NN 21h30	22h15-22h20		600
D29	Sau HH phim Điện ảnh 21h30 (T7)	21h30-21h35		800
D30	Giữa phim Điện ảnh 21h30 (T7)	21h55-22h00		
D31	Sau KT phim Điện ảnh 21h30 (T7)	22h55-23h00		400
D32	Sau HH cải lương (CN)	21h30-21h35		420
D33	Giữa cải lương (CN)	21h55-22h00		
D34	Sau kết thúc cải lương (CN)	22h55-23h00		210

KEY LOGO BẬT GÓC, POP UP, CHẠY CHỮ

BVT: 1.000 VNĐ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ (05 - 10 giây/1 lần)
K1	Trong phim sáng VN 09h15	09h15-10h45	100
K2	Trong phim trưa NN 11h30	11h30-13h10	300
K3	Trong phim xế NN 15h15	15h15-16h00	200
K4	Trong phim chiều NN 16h30	16h30-17h15	300
K5	Trong bản tin nhanh 18h	18h00-18h15	700
K6	Trong phim VN 19h00	19h00-19h45	500
K7	Trong bản tin DBTT 19h45	19h45-19h50	300
K8	Trong phim VN 20h00	20h05-20h50	800
K9	Trong phim NN - Điện ảnh 21h30	21h30-23h00	500

PANEL QUẢNG CÁO XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ (5 giây/1 lần)
P1	Trước phim sáng VN 9h15	09h15-09h20	500
P2	Trước kết thúc phim sáng VN 9h15	10h40-10h45	500
P3	Trước phim trưa NN 11h30	11h30-11h35	700
P4	Trước kết thúc phim trưa NN 11h30	13h05-13h10	700
P5	Trước phim xế NN 15h15	15h15-15h20	600
P6	Trước kết thúc phim xế NN 15h15	15h55-16h00	600
P7	Trước phim chiều NN 16h30	16h30-16h35	600
P8	Trước kết thúc phim chiều NN 16h30	17h10-17h15	600
P9	Trước bản tin nhanh 18h00	18h05-18h10	700
P10	Trước kết thúc bản tin nhanh 18h00	18h15-18h20	700
P11	Trước phim VN 19h00	19h00-19h05	800
P12	Trước kết thúc phim VN 19h00	19h40-19h45	800
P13	Trước bản tin DBTT 19h45	19h45-19h50	800
P14	Sau bản tin DBTT 19h45	19h45-19h50	800
P15	Trước chương trình giải trí 24h	19h50-19h55	600
P16	Trước kết thúc chương trình giải trí 24h	19h55-20h00	600
P17	Trước phim VN 20h10	20h10-20h15	700
P18	Trước kết thúc phim VN 20h10	20h55-21h00	700
P19	Trước phim NN, Điện ảnh 21h30	21h35-21h40	500
P20	Trước kết thúc phim NN, Điện ảnh 21h30	22h15-22h20	500

HÌNH GẠT XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ (3-5 giây/1 lần)
HG1	Trong tit QC phim sáng VN 9h15	9h15-9h20	300
HG2	Trong tit QC phim trưa NN 11h30	11h30-11h35	400
HG3	Trong tit QC phim xế NN 15h15	15h10-15h15	200
HG4	Trong tit QC phim chiều NN 16h30	16h25-16h30	200
HG5	Trong tit QC bản tin nhanh 18h00	17h55-18h00	600
HG6	Trong tit QC phim VN 19h00	19h00-19h05	600
HG7	Trong tit QC bản tin DBTT 19h45	19h40-19h45	600
HG8	Trong tit QC Chương trình giải trí 24h	19h50-19h55	600
HG9	Trong tit QC phim VN 20h10	20h10-20h15	600
HG10	Trong tit QC phim NN - Điện ảnh 21h30	21h30-21h35	400

THÔNG BÁO, NHẬN TIN, RAO VẬT

THỜI GIAN PHÁT	ĐƠN GIÁ (ĐVT: đồng/từ)		
	TBNT (cho cá nhân)	TBNT (cơ quan, đơn vị sự nghiệp không thu)	TB các loại (đơn vị sản xuất kinh doanh)
07h45-08h00	1.000	2.000	4.000
10h45-11h00	2.000	3.000	7.000
18h25-18h30	4.000	5.000	15.000
18h55-19h00	4.000	5.000	15.000

Ghi chú:

- * Thời gian phát sóng có thể chênh lệch ± 15 phút so với thực tế.
- * Thời lượng TVC quảng cáo vượt mức chuẩn đã cho sẽ được tính theo giá của mức chuẩn kế tiếp.
- * **Quảng cáo ở vị trí ưu tiên:** 1, 2, 3 đầu và 1, 2, 3 cuối trong mỗi chương trình quảng cáo sẽ được tính thêm 10% theo bảng giá trên.
- * **Mục Thông báo:**
 - + Đối với các công ty có hợp đồng nguyên tắc, thì mức giảm giá được tính theo giảm giá của hợp đồng.
 - + Các đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp, công ty được tính như sau: Nếu phát sóng một lần thì tính nguyên giá, phát sóng hai lần liên tiếp sẽ giảm 20% trên tổng giá trị, phát sóng ba lần sẽ giảm 30% và từ 07 lần trở lên sẽ giảm 40%. Mức giảm giá này không áp dụng cho các hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng tài trợ.
 - + Khách hàng là cá nhân, phát sóng lần thứ nhất thu 100%, lần thứ hai giảm 30%, lần thứ ba trở đi sẽ giảm 50% giá trị lịch phát sóng.

THÔNG TIN KINH TẾ

(Thời lượng chuẩn là 01 phút và không vượt quá 03 phút)

DVT: đồng

THỜI GIAN PHÁT SÓNG	ĐƠN GIÁ/PHÚT
11h00-11h30	3.000.000
18h55-19h00	6.000.000

BIỂU GIÁ THỰC HIỆN SẢN XUẤT TIN KINH TẾ, TỰ GIỚI THIỆU

1. Đơn giá: 3.000.000đ/phút (Ba triệu đồng) (Chưa bao gồm thuế VAT)

Thực hiện quay mẫu trong nội ô TP.Rạch Giá, chi phí phát sóng tính theo Bảng giá quảng cáo của Đài.

2. Nếu quay mẫu ngoài nội ô TP.Rạch Giá, chi phí thực hiện thành phẩm mẫu tự giới thiệu như mục 1, cộng thêm chi phí đi quay ngoài nội ô TP.Rạch Giá, cụ thể khoản theo mức sau:

STT	Nơi thực hiện	Số tiền/người/ngày
1	Châu Thành	500.000
2	An Biên, Hòn Đất, Tân Hiệp, Giồng Riềng	1.000.000
3	An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, Gò Quao, Kiên Lương, Hà Tiên, Giang Thành	1.500.000
4	Kiên Hải, Hòn đảo khác (Kiên Lương, H.Tiên)	2.000.000
5	Hòn Sơn	3.000.000
6	Phú Quốc, Nam Du	5.000.000

3. Chi phí trên chưa bao gồm thuế VAT và chi phí phát sóng tính theo Bảng giá quảng cáo của Đài.

4. Các đơn vị ngoài tỉnh có nhu cầu thực hiện, chi phí quay mẫu tự giới thiệu sẽ được thỏa thuận theo thực tế.

UBND TỈNH KIÊN GIANG
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH KIÊN GIANG
TRÊN KÊNH KGI - NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 131 ngày 22/10/2018
của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang)

Áp dụng từ ngày 01/01/2019

DVT: 1.000 VND

Mã Giờ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO				
			5"	10"	15"	20"	30"
Giờ S	BUỔI SÁNG (06h30 – 11h00)						
S1	Trước thời sự KG- DBTT biển	06h30-06h35	200	300	400	500	600
S2	Sau thời sự KG- DBTT biển	06h40-06h45	300	400	500	600	700
S3	Trước Gameshow (7h45)	07h45-07h50	400	500	600	800	1.000
S4	Sau Gameshow (7h45)	08h10-08h15					
S5	Sau HH phim sáng (8h15)	8h15-8h20					
S6	Giữa tập 01 phim sáng (8h15)	8h35-8h40	400	600	900	1.200	1.500
S7	Giữa 02 tập phim sáng (8h15)	9h00-9h05	400	500	600	800	1.000
S8	Giữa tập 2 phim sáng (8h15)	9h20-9h25	400	600	900	1.200	1.500
S9	Trước kết thúc phim sáng	9h40-9h45	400	500	600	800	1.000
Giờ Tr	BUỔI TRƯA (11h00 – 13h30)						
Tr1	Trước thời sự KG - Bản tin QTTT	11h25-11h30	500	700	900	1.200	1.500
Tr2	Sau Thời sự KG - Bản tin QTTT	11h45-11h50	800	1.000	1.200	1.400	1.600
Tr3	Sau HH phim trưa NN 12h05	12h05-12h10					
Tr4	Giữa 1 tập phim trưa NN 12h05	12h25-12h30	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000
Tr5	Giữa 02 tập phim trưa NN 12h05	12h45-12h50	1.000	1.200	1.400	1.600	1.800
Tr6	Giữa tập 02 phim trưa NN 12h05	13h10-13h15	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000
Tr7	Trước kết thúc phim trưa NN 12h05	13h30-13h35	800	1.000	1.200	1.400	1.600
Giờ X	BUỔI XE CHIỀU (14h15 -15h00)						
X1	Trước HH phim xế VN 14h15	14h15-14h20	600	800	1.000	1.200	1.400
X2	Giữa 01 tập phim VN 14h15	14h35-14h40	800	1.000	1.200	1.400	1.600
X3	Sau phim xế VN 14h15	14h55-15h00	600	800	1.000	1.200	1.400
Giờ C	BUỔI CHIỀU (16h15 -17h45)						
C1	Sau HH phim chiều NN 16h15	16h15-16h20	800	1.000	1.200	1.400	1.600

C2	Giữa tập 01 phim chiều NN 16h15	16h40-16h45	1.600	1.800	2.000	2.200	2.400
C3	Giữa 02 tập phim chiều NN 16h15	17h00-17h05	1.000	1.200	1.400	1.600	1.800
C4	Giữa tập 02 phim chiều NN 16h15	17h25-17h30	1.600	1.800	2.000	2.200	2.400
C5	Trước kết thúc phim NN 16h15	17h40-17h45	800	1.000	1.200	1.400	1.600
C6	Trước trực tiếp xổ số KG (CN)	16h10-16h15					
C7	Sau trực tiếp xổ số KG (CN)	16h40-16h45					
C8	Sau HH phim chiều NN (CN)	16h45-16h50					
C9	Giữa phim NN (CN)	17h10-17h15	1.000	1.200	1.400	1.600	1.800
C10	Trước kết thúc phim NN (CN)	17h25-17h30	800	1.000	1.200	1.400	1.600
Giờ T	BUỔI TỐI (18h00 – 00h15)						
T1	Sau HH bản tin nhanh 18h	18h00-18h05	1.250	2.500	3.500	5.000	5.500
T2	Giữa bản tin nhanh 18h	18h10-18h15	1.500	3.000	4.500	6.000	7.000
T3	Trước kết thúc bản tin nhanh 18h	18h15-18h20					
T4	Sau HH chương trình giải trí 24h	18h25-18h30	1.250	2.500	3.500	5.000	5.500
T5	Giữa chương trình giải trí 24h	18h30-18h35	1.500	3.000	4.500	6.000	7.000
T6	Trước kết thúc ctr giải trí 24h	18h35-18h40					
T7	Trước thời sự VTV 19h00	18h55-19h00	2.200	2.400	2.600	2.800	3.000
T8	Sau thời sự VTV 19h00	19h40-19h45	2.500	2.700	2.900	3.200	3.500
T9	Sau HH phim VN 19h45	19h45-19h50	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000
T10	Giữa phim VN 19h45	20h05-20h10	2.800	3.200	3.600	4.200	5.000
T11	Trước kết thúc phim VN 19h45	20h25-20h30	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000
T12	Trước thời sự Kiên Giang 21h00	20h55-21h00	2.200	2.400	2.600	2.800	3.000
T13	Sau thời sự Kiên Giang 21h00	21h25-21h30					
T14	Sau HH phim NN 21h30	21h25-21h30	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000
T15	Giữa phim NN 21h30	21h55-22h00	2.000	2.200	2.400	2.600	2.800
T16	Trước kết thúc phim NN 21h30	22h10-22h15	400	600	800	1.000	1.200
T17	Sau HH phim Điện ảnh CN (21h30)	21h30-21h35	600	800	1.000	1.200	1.400
T18	Giữa phim Điện ảnh CN (21h30)	22h15-22h20	400	600	800	1.000	1.200
T19	Trước kết thúc phim ĐA CN	22h55-23h00	400	600	800	1.000	1.200
T20	Sau HH Cái lương (thứ 7)	21h30-21h35	600	800	1.000	1.200	1.400
T21	Giữa Cái lương (thứ 7)	22h15-22h20	400	600	800	1.000	1.200
T22	Trước kết thúc Cái lương (thứ 7)	22h55-23h00	400	600	800	1.000	1.200

**TỰ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM - TV SHOPPING - PHÒNG KHÁM
SẢN PHẨM ĐÔNG NAM DƯỢC (TRÊN KÊNH KG1)**

Tối thiểu 1 phút 30 giây và tối đa là 05 phút

(Nếu thời lượng TGT là 80 giây sẽ được áp vào khung giá = 1 phút 30 giây)

DVT: 1000 VNĐ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
G1	Trước Chương trình Gameshow-7h45	7h45-7h50	100
G2	Sau Chương trình Gameshow-7h45	8h10-8h15	100
G3	Sau HH phim truyện 8h15	8h15-7h20	50
G4	Giữa tập 01 phim truyện 08h15	8h35-8h40	70
G5	Giữa 02 tập phim truyện 08h15	9h00-9h05	80
G6	Giữa tập 02 phim truyện 08h15	9h20-9h25	80
G7	Sau kết thúc phim truyện 08h15	9h40-9h45	100
G8	Trước HH phim trưa NN 12h05	12h00-12h05	150
G9	Giữa tập 1 phim trưa NN 2h05	12h25-12h30	180
G10	Giữa 02 tập phim trưa NN 12h05	12h45-12h50	150
G11	Giữa tập 2 phim trưa NN 12h05	13h10-13h15	180
G12	Sau kết thúc phim trưa NN 12h05	13h30-13h35	150
G13	Trước phim truyện VN 14h15	14h15-14h20	100
G14	Giữa phim VN 14h15	14h35-14h40	120
G15	Sau phim VN 14h15	14h55-15h00	100
G16	Sau HH phim chiều NN 16h15	16h15-16h20	130
G17	Giữa 01 tập phim chiều NN 16h15	16h40-16h45	150
G18	Giữa 02 tập phim chiều NN 16h15	17h00-17h05	130
G19	Giữa tập 02 phim chiều NN 16h15	17h25-17h30	150
G20	Sau kết thúc phim chiều NN 16h15	17h40-17h45	120
G21	Trước trực tiếp xổ số kiến thiết KG (CN)	16h10-16h15	150
G22	Sau trực tiếp xổ số kiến thiết KG (CN)	16h40-16h45	
G23	Sau HH phim chiều NN (CN)	16h45-16h50	150
G24	Giữa phim NN (CN)	17h05-17h10	130
G25	Trước kết thúc phim NN (CN)	17h25-17h30	120
G26	Trước bản tin nhanh 18h	17h55-18h00	200
G27	Sau bản tin nhanh 8h	18h15-18h20	
G28	Trước chương trình giải trí 24h	18h25-18h30	
G29	Sau chương trình giải trí 24h	18h35-18h40	
G30	Trước tiếp chuyển Thời sự VTV 19h00	18h55-19h00	
G31	Sau tiếp chuyển Thời sự VTV 19h00	19h40-19h45	250
G32	Sau HH phim VN 19h45	19h45-19h50	
G33	Giữa phim VN 19h45	20h05-20h10	300
G34	Trước kết thúc phim VN 19h45	20h25-20h30	250
G35	Trước thời sự Kiên Giang 21h00	20h55-21h00	200
G36	Sau thời sự Kiên Giang 21h00	21h25-21h30	200
G37	Sau HH phim NN 21h30	21h25-21h30	150

G38	Giữa tập phim NN 21h30	21h55-22h00	200
G39	Trước kết thúc phim NN 21h30	22h10-22h15	150
G40	Sau HH phim Điện ảnh CN 21h30	21h30-21h35	150
G41	Giữa phim Điện ảnh CN 21h30	22h15-22h20	200
G42	Trước kết thúc phim ĐA CN 21h30	22h55-23h00	150
G43	Sau HH cải lương (thứ 7)	21h30-21h35	150
G44	Giữa cải lương (thứ 7)	22h15-22h20	200
G45	Trước kết thúc cải lương (thứ 7)	22h55-23h00	150

TÍT QUẢNG CÁO XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(3-5 giây/1 lần)
L1	Trong phim sáng 08h15	08h15-08h45	200
L2	Trong phim trưa 12h05	12h00-13h30	400
L3	Trong phim xế 14h15	14h15-15h00	200
L4	Trong phim chiều 16h15	16h15-17h45	200
L5	Trong tin nhanh 18h	18h00-18h15	400
L6	Trong chương trình giải trí	18h30-18h40	300
L7	Trong phim VN 19h45	19h45-20h30	500
L8	Trong phim NN – Điện ảnh – Cải lương 21h30	21h30-23h00	300

KEY LOGO BẬT GÓC, POP UP, CHẠY CHỮ

DVT: 1000 VNĐ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(05-10 giây/1 lần)
K1	Trong phim sáng 08h15	08h15-08h45	100
K2	Trong phim trưa 12h05	12h05-13h35	300
K3	Trong phim xế 14h15	14h15-15h00	200
K4	Trong phim chiều 16h15	16h15-17h45	300
K5	Trong phim VN 19h45	19h45-20h30	800
K6	Trong phim NN – Điện ảnh – Cải lương	21h30-23h00	800

PANEL QUẢNG CÁO XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(5 giây/1 lần)
P1	Sau chương trình TS Kiên Giang 11h30	11h30-12h00	400
P2	Trước bản tin nhanh 18h	17h55-18h00	500
P3	Giữa bản tin nhanh 18h	18h05-18h10	600
P4	Trước kết thúc bản tin nhanh 18h	18h10-18h15	500
P5	Sau TS Kiên Giang - Dự báo thời tiết	21h00-21h30	600

KEY LOGO BẬT GÓC, POP UP, CHẠY CHỮ

ĐVT: 1.000 VND

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(05 – 10 giây/1 lần)
K1	Trong phim sáng 08h15	08h15-08h45	100
K2	Trong phim trưa 12h05	12h05-13h35	300
K3	Trong phim xế 14h15	14h15-15h00	200
K4	Trong phim chiều 16h15	16h15-17h45	300
K5	Trong phim VN 19h45	19h45-20h30	800
K6	Trong phim NN – Điện ảnh – Cải lương 21h30	21h30-23h00	800

PANEL QUẢNG CÁO XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(5 giây/1 lần)
P1	Sau chương trình TS Kiên Giang 11h30	11h30-12h00	400
P2	Trước bản tin nhanh 18h	17h55-18h00	500
P3	Giữa bản tin nhanh 18h	18h05-18h10	600
P4	Trước kết thúc bản tin nhanh 18h	18h10-18h15	500
P5	Sau TS Kiên Giang - Dự báo thời tiết	21h00-21h30	600

TÍT QUẢNG CÁO XUẤT HIỆN MỘT LOGO, TÊN ĐƠN VỊ

MÃ GIỜ	DIỄN GIẢI	THỜI GIAN	ĐƠN GIÁ
			(3-5 giây/1 lần)
L1	Trong phim sáng 08h15	08h15-08h45	200
L2	Trong phim trưa 12h05	12h00-13h30	400
L3	Trong phim xế 14h15	14h15-15h00	200
L4	Trong phim chiều 16h15	16h15-17h45	200
L5	Trong tin nhanh 18h	18h00-18h15	400
L6	Trong chương trình giải trí	18h30-18h40	300
L7	Trong phim VN 19h45	19h45-20h30	500
L8	Trong phim NN – Điện ảnh – Cải lương 21h30	21h30-23h00	300

THÔNG BÁO, NHẮN TIN, RAO VẶT

THỜI GIAN PHÁT	ĐƠN GIÁ (ĐVT: đồng/từ)		
	TBNT (dành cho cá nhân)	TBNT	TB các loại
		(cơ quan, đơn vị sự nghiệp không thu)	(đơn vị sản xuất kinh doanh)
08h10-08h15	1.000	1.500	3.000
12h00-12h05	1.500	2.000	4.000
18h55-19h00	2.000	2.500	5.000
20h30-20h35	2.000	3.000	5.000

Ghi chú:

* Thời lượng TVC quảng cáo vượt mức chuẩn đã cho sẽ được tính theo giá của mức chuẩn kế tiếp.

* Trường hợp khi khách hàng có nhu cầu phát sóng quảng cáo trong khung giờ chưa có trên Bảng báo giá, thì giá được áp dụng với giá của khung giờ tương đương.

* Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh trực tiếp quảng cáo với Đài, có lịch book quảng cáo từ 03 tháng trở lên được giảm giá theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

* Vì thời lượng dành cho khung tivi shopping và đông nam được quy định thời lượng chuẩn, nên khi Đài nhận đủ thời lượng sẽ từ chối nhận lịch tiếp theo.

* **Quảng cáo ở vị trí ưu tiên:** 1, 2, 3 đầu và 1, 2, 3 cuối trong mỗi chương trình quảng cáo sẽ được tính thêm 10% theo bảng giá trên.

* Mục Thông báo:

+ Đối với các công ty có hợp đồng nguyên tắc, thì mức giảm giá được tính theo giảm giá của hợp đồng.

+ Các đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp, công ty được tính như sau: Nếu phát sóng một lần thì tính nguyên giá, phát sóng hai lần liên tiếp sẽ giảm 20% trên tổng giá trị, phát sóng ba lần sẽ giảm 30% và từ 07 lần trở lên sẽ giảm 40%. Mức giảm giá này không áp dụng cho các hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng tài trợ.

+ Khách hàng là cá nhân, phát sóng lần thứ nhất thu 100%, lần thứ hai giảm 30%, lần thứ ba trở đi sẽ giảm 50% giá trị lịch phát sóng.

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO NĂM 2019
TRÊN SÓNG PHÁT THANH HỆ FM 99,4 Mhz
(Áp dụng từ ngày 01/01/2019 - đã bao gồm thuế VAT)

Đơn vị tính: VNĐ/spot quảng cáo

MÃ GIỜ	THỜI GIAN	CHƯƠNG TRÌNH QUẢNG CÁO	ĐƠN GIÁ
			TL: 60"/1 lần
	BUỔI SÁNG (các ngày trong tuần)		
PT-S	5h30-11h00	Trước sau: chương trình thời sự, dự báo thời tiết, thông tin quảng cáo....	500.000
	BUỔI TRƯA (các ngày trong tuần)		
PT-Tr	11h05-12h00	Trước/sau các chương trình: thời sự, ca nhạc, ca nhạc cải lương	800.000
	BUỔI XE CHIỀU (các ngày trong tuần)		
PT-X	12h05-14h25	Ca nhạc trực tiếp qua điện thoại....	1.000.000
	BUỔI CHIỀU TỐI (các ngày trong tuần)		
PT-CT	14h30- đến kết thúc chương trình	Ca nhạc trực tiếp qua điện thoại....	1.200.000
	THỜI GIAN	TỰ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM - THÔNG BÁO NHÂN TIN	ĐƠN GIÁ
TGT1	05h30 – 11h00	* Tự giới thiệu sản phẩm tối thiểu 02 phút tối đa 06 phút	100.000đ/phút
TGT2	11h05 – 16h00	* Tự giới thiệu sản phẩm tối thiểu 02 phút tối đa 06 phút	200.000đ/phút
	05h30 – 19h00	* Thông báo nhân tin các loại (rao vặt)	2.000đ/chữ

* Thời lượng chuẩn để tính giá quảng cáo là: 60 giây.

* Nếu mẫu quảng cáo có thời lượng 30 giây sẽ được tính tỷ lệ 50% theo đơn giá chuẩn như trên.

* Nếu mẫu quảng cáo vượt TL chuẩn 60 giây (ví dụ: mẫu QC 70 giây sẽ tính là 90 giây; trên 90 giây đến dưới 120 giây sẽ áp vào khung thời lượng 120 giây).

**BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN WEBSITE
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH KIÊN GIANG NĂM 2019**
WWW.kgtv.vn

*Áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
(Đã bao gồm 10% thuế VAT)*

1. Giá quảng cáo:

Vị trí	Tên vị trí	Kích thước (pixels)	Đơn giá (VND/tháng)		
			Trang chủ	Chuyên mục tin tức	Chuyên mục video
1	Banner Tivi Trực Tuyến	392x275	10.000.000		
2	Center banner	480x90	4.000.000		
3A	Banner phải phần trên	275x118	4.000.000		
3B	Banner phải phần dưới	275x118	3.000.000		
4A	Center banner phần trên	480x90	4.000.000		
4A	Center banner phần dưới	480x90	2.000.000		
5A, 5B	Banner chạy dọc trang web	120x300	5.000.000		

2. Một số qui định:

- Chế độ cố định, chia sẻ 3 theo user: 03 logo/banner chia sẻ tại một vị trí. Mỗi lượt xem chỉ xuất hiện 01 logo/banner. Logo/banner động 10 giây, sau đó dừng lại.
- Giá trên chưa bao gồm chi phí thiết kế (200.000 VND/logo gif; 500.000 VND/trang thông tin; 1.000.000 VND/flash).
- Thiết kế đồ họa dạng JPG/GIF hoặc flash, động không quá 10 giây, các banner động không được chớp tắt quá nhiều. Quảng cáo dạng Banner có kích thước < 40kb. Logo có kích thước < 25kb. Các quảng cáo đặc biệt có kích thước < 100kb.
- + Flash (.swf): Tương tác chỉ được thực hiện trong phạm vi của banner, các banner phải có nút "Replay/Xem lại"
- + GIF: Tối đa 3 frames
- TV online banner chỉ chấp nhận dạng hình ảnh.
- Roll banner chỉ nhìn thấy ở màn hình wide: Xuất hiện 10s, biến mất, 30s sau xuất hiện lại.

- Back ground chỉ hiện thị ở màn hình wide: Banner cố định nằm dọc 2 bên.
- Nội dung quảng cáo phải tuân thủ các quy định của Nhà nước và được sự chấp thuận của Đài PT&TH Kiên Giang.
- Thời gian gửi quảng cáo: Trước 01 ngày đối với banner thường và 03 ngày đối với banner đặc biệt.

3. Chính sách giảm giá:

- Trên 1 – 3 tháng: giảm 10%
- Trên 3 – 6 tháng: giảm 15%
- Trên 6 – 9 tháng: giảm 20%
- Trên 9 – 12 tháng; giảm 25%

Nếu thời gian quảng cáo dưới 01 tháng sẽ áp dụng chính sách là 01 tháng.

Trường hợp khách hàng có cam kết doanh số lớn trong năm hoặc có những hình thức hợp tác với Đài mang lại hiệu quả, Đài sẽ có chính sách ưu đãi cụ thể.

Giá đăng ký quảng cáo độc quyền tại mỗi vị trí = đơn giá vị trí đó x 2

Bảng giá này có thể thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời điểm./.